

Số: 60/2020/QĐST-HNGĐ

Tiên Lữ, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã HĐ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: Số 43, đường MD, phường HC, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Văn A, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn D, xã HĐ, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trần Bảo H, sinh ngày 15/8/2012

- Cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 15/8/2012

Người đại diện hợp pháp cho hai cháu Bảo H, Bảo Tr: Chị Nguyễn Thị Thu T là mẹ đẻ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Văn A tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con gái sinh đôi là cháu Trần Bảo H, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 15/8/2012. Ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị T được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu Bảo H, Bảo Tr kể từ tháng

6/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên. Anh Trần Văn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với chị T mức 1.000.000 đồng/tháng/cháu (hai cháu là 2.000.000đ/tháng), được tính từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên. Anh Trần Văn A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh A không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0000597 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã QC, TP HY (GCNKH số 66 ngày 27/10/2011);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang